

ÂM ĐẦU LƯỠI TRONG TIẾNG HÁN VIỆT CỔ

Lê Thùy Liên

Trường Đại học Sư Phạm Thủ Đô Bắc Kinh Trung Quốc

lienle.2021520@gmail.com

<https://doi.org/10.63506/jilc.0903.396>

(Nhận bài: 06/05/2025; Hoàn thành phản biện: 14/11/2025; Duyệt đăng: 29/12/2025)

Tóm tắt: Ngôn ngữ là một kho tàng văn hóa phong phú, và việc khảo cứu các ngôn ngữ cổ đại giúp tái hiện lịch sử giao tiếp và tư duy của con người. Trong nghiên cứu tiếng Hán cổ và Hán Việt cổ, phụ âm đầu, đặc biệt là nhóm âm đầu lưỡi, giữ vai trò quan trọng trong việc phục dựng hệ thống ngữ âm. Bài viết sử dụng các phương pháp thu thập và đối chiếu dữ liệu Hán cổ – Hán Việt cổ, kết hợp phân tích ngữ âm và so sánh lịch sử nhằm xác định đặc điểm phát âm và nguồn gốc âm đọc. Kết quả cho thấy nhiều âm đầu lưỡi khi du nhập vào tiếng Việt đã phản ánh sự khác biệt giữa hai hệ thống âm vị, dẫn đến những khác biệt giữa âm Hán Việt cổ và âm Hán Việt. Những khác biệt này góp phần làm rõ quá trình biến đổi ngữ âm và mối quan hệ lịch sử giữa tiếng Việt và tiếng Hán.

Từ khóa: Từ Hán Việt; từ Hán Việt cổ; âm đầu lưỡi; âm Hán cổ

A STUDY OF APICAL SOUNDS IN OLD SINO-VIETNAMESE

Abstract: Language is an immensely rich cultural treasure, and the study of ancient languages plays a crucial role in reconstructing the history of human communication and cognition. In research on Old Chinese and Old Sino-Vietnamese, initial consonants—particularly apical (coronal) consonants—are of central importance for the reconstruction of phonological systems. This paper adopts methods of data collection and comparative analysis between Old Chinese and Old Sino-Vietnamese, combining phonetic analysis with historical-comparative approaches to identify phonetic characteristics and the origins of Sino-Vietnamese readings. The results indicate that many apical initials, when transmitted into Vietnamese, reflect structural differences between the two phonological systems, resulting in divergences between Old Sino-Vietnamese and later Sino-Vietnamese pronunciations. These findings help clarify processes of phonological change and contribute to a better understanding of the historical relationship between Vietnamese and Chinese.

Keywords: Sino-Vietnamese words; Old Sino-Vietnamese words; apical consonants; Old Chinese phonetics

1. Mở đầu

Ngôn ngữ là tấm gương phản ánh lịch sử, văn hóa và sự giao thoa của các dân tộc qua thời gian. Trong bối cảnh Việt Nam – một quốc gia chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Trung Quốc trong hơn một thiên niên kỷ Bắc thuộc – tiếng Việt đã tiếp nhận một lượng lớn từ vựng và đặc điểm âm thanh từ tiếng Hán, tạo nên một tầng ngôn ngữ độc đáo gọi là Hán Việt. Đặc biệt, tiếng Hán Việt cổ, với những dấu vết âm thanh từ các thời kỳ sớm của sự tiếp xúc ngôn ngữ, không chỉ là một kho tàng ngôn ngữ học mà còn là cầu nối văn hóa, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về quá trình hình thành và phát triển của tiếng Việt.

Trong hệ thống âm tiết của tiếng Hán Việt cổ, các âm đầu lưỡi (apical consonants) như TH [tʰ], TR [t], Đ [d], T [t], và N [n] đóng vai trò quan trọng, phản ánh sự tương tác phức tạp giữa tiếng Hán cổ và hệ thống ngữ âm bản địa của tiếng Việt. Những âm này không chỉ là kết quả của sự vay mượn mà còn thể hiện sự thích nghi và biến đổi âm thanh trong bối cảnh lịch sử đặc thù. Tuy nhiên, so với các nghiên cứu về Hán Việt hiện đại, tiếng Hán Việt cổ và đặc biệt là các âm đầu lưỡi vẫn chưa được khai thác đầy đủ, để lại nhiều khoảng trống cần được làm sáng tỏ. Phần lớn các nghiên cứu Hán-Việt như của Wang (1948), Nguyễn Tài Cẩn (2000, 2003), Wei (2004, 2012) và Xian (2010, 2016) và các nghiên cứu khác mới dừng lại ở việc mô tả chung quá trình hình thành Hán Việt hoặc đối chiếu Hán trung đại với Hán Việt, chưa làm rõ các quy luật tương ứng và biến đổi của nhóm âm đầu lưỡi (TH, TR, Đ, T, N) trong lớp từ vay mượn sớm, cũng như chưa đặt chúng trong mối quan hệ so sánh ba chiều giữa âm Hán cổ – âm Hán trung đại – Hán Việt cổ. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các đặc điểm của âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ, từ đó làm rõ nguồn gốc, quá trình biến đổi, và vai trò của chúng trong sự phát triển của tiếng Việt. Để định hướng phân tích, nghiên cứu tìm câu trả lời cho các câu hỏi sau:

(1) Quan hệ đối ứng ngữ âm giữa các phụ âm đầu lưỡi (TH, TR, Đ, T, N) trong tiếng Hán Việt cổ và các nhóm thanh mẫu tương ứng của tiếng Hán cổ và Hán trung đại được thể hiện như thế nào?

(2) Các âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ được hình thành và biến đổi như thế nào trên cơ sở đối ứng ngữ âm với các thanh mẫu Hán cổ, xét theo thời điểm vay mượn, quá trình biến đổi nội tại của tiếng Việt và bối cảnh phân kỳ lịch sử giữa Hán cổ và Hán trung đại?

2. Cơ sở lý luận

Phần này nhằm làm rõ các khái niệm và cơ sở lý thuyết liên quan đến âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ, bao gồm quan hệ đối ứng ngữ âm giữa Hán cổ – Hán trung đại – Hán Việt cổ và Hán Việt, phân kỳ lịch sử của các lớp từ vay mượn, và các cơ chế biến đổi trong quá trình tiếp xúc Hán-Việt sớm.

Nghiên cứu âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ dựa trên cơ sở lý luận của ngữ âm học lịch sử và ngôn ngữ học so sánh, hai lĩnh vực đã chứng minh hiệu quả trong việc tái hiện sự phát triển của các ngôn ngữ qua thời gian. Những công trình nghiên cứu tiêu biểu của các học giả như Wang (1948), Nguyễn Tài Cẩn (2000, 2003), Wei (2004, 2012) và Xian (2010, 2016) đã đặt nền móng cho việc phân tích mối quan hệ giữa tiếng Hán và tiếng Việt, đặc biệt là quá trình hình thành các lớp từ vựng Hán Việt.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này tiếp cận Hán Việt cổ như một tầng vay mượn sớm, hình thành trước thời Tùy–Đường, khác với hệ thống Hán Việt tiêu chuẩn vốn dựa chủ yếu trên âm

Đường, và coi thời điểm vay mượn là yếu tố then chốt để giải thích các khác biệt về đối ứng ngữ âm. Trong quá trình vay mượn, các dạng đối ứng này thường không giữ nguyên hình thức gốc mà tuân theo những quy luật chuyển đổi âm vị, bao gồm các cơ chế như giản hóa cấu trúc âm tiết, đồng hóa, quá độ âm vị và thích nghi với hệ thống âm vị bản địa của tiếng Việt. Những quy luật này đặc biệt rõ nét trong lớp từ Hán Việt cổ, khi hệ thống ngữ âm tiếng Việt còn chưa hoàn chỉnh. Về mặt lý luận, âm đầu lưỡi – các phụ âm được phát âm bằng đầu lưỡi tiếp xúc với vùng răng hoặc vòm miệng – là một nhóm âm quan trọng trong hệ thống ngữ âm của cả tiếng Hán và tiếng Việt. Trong tiếng Hán cổ, các âm này thuộc các nhóm thanh mẫu như Đoan tổ (端組), Tinh tổ (精組), Trang tổ (庄組), và Chương tổ (章組), với sự đa dạng về cách phát âm (tắc, xát, mũi) và tính chất (vô thanh, hữu thanh). Khi được vay mượn vào tiếng Việt, các âm này phải thích nghi với hệ thống ngữ âm bản địa vốn đơn giản hơn, dẫn đến những biến đổi như chuyển từ âm xát [ɕ] sang âm tắc bật hơi [tʰ] hay từ phụ âm phức *tl-* sang TR [t]. (Xian, 2010, 2016) và Nguyễn Tài Cẩn (2000) cho rằng tiếng Việt thời kỳ sơ khai thiếu một số âm tiết phức tạp của tiếng Hán, do đó các từ mượn phải trải qua quá trình đơn giản hóa hoặc chuyển đổi cấu trúc để phù hợp với hệ thống âm tiết của tiếng Việt. Trong khi đó, Xian (2016) nhấn mạnh vai trò của các giai đoạn tiếp xúc lịch sử – từ thời Tần-Hán đến thời Đường – trong việc định hình các tầng từ Hán Việt, bao gồm cả Hán Việt cổ và Hán Việt hiện đại.

Trong đó, các từ mượn trước thời Tùy–Đường, chủ yếu qua giao tiếp khẩu ngữ, được xếp vào Hán Việt cổ, còn hệ thống Hán Việt quen thuộc hiện nay hình thành chủ yếu dựa trên âm Đường. Phân kỳ này là cơ sở quan trọng để giải thích các khác biệt về đối ứng ngữ âm và quy luật chuyển đổi âm vị giữa Hán Việt cổ và Hán Việt. Theo *Hán Thư* ghi chép rằng trước đây, nhà Tần di dời dân chúng từ huyện Trung đến ba quận phía Nam, khiến họ sống lẫn lộn với dân Bách Việt (Wang, 1948). Điều này cho thấy vào thời nhà Tần có dòng người dân từ vùng Trung Nguyên Trung Quốc sang khu vực Việt Nam, tạo nên sự tiếp xúc ban đầu giữa hai dân tộc. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng lúc này còn hạn chế và từ vựng tiếng Hán chủ yếu được truyền vào Việt Nam qua con đường giao tiếp khẩu ngữ. Chúng ta gọi những từ mượn tiếng Hán trong giai đoạn này là từ Hán Việt Cổ.

Giai đoạn thứ hai diễn ra từ thời Tùy, đến cuối thời Đường. Đây là thời kỳ chữ Hán được truyền bá mạnh mẽ tại Việt Nam nhờ sự xuất hiện của nhiều văn nhân Trung Quốc, trong đó có những người mở trường dạy học. Trong bối cảnh đó, chữ Hán du nhập vào Việt Nam và tiếp xúc gần gũi với tiếng Việt. Do có khả năng tiếp cận từ ngữ nên việc đưa tiếng Hán vào tiếng Việt chủ yếu tiếp nhận qua con đường văn tự sự tiếp xúc giữa hai ngôn ngữ gần gũi và có hệ thống hơn so với giai đoạn trước. Trong thời kỳ này, hệ thống từ Hán Việt quen thuộc ngày nay được hình thành (Wang, 1948).

Hai giai đoạn tiếp xúc Hán-Việt đã hình thành nên hai tập hợp từ mượn: phát âm bạch thoại (âm khẩu ngữ) và âm văn ngôn (âm đọc sách).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi theo quan điểm rằng các từ mượn trước Tùy–Đường thuộc Hán Việt cổ, từ Tùy–Đường trở đi là Hán Việt, do hệ thống Hán Việt dựa chủ yếu trên âm Đường. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này tập trung khảo sát các âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ dưới góc độ đối ứng ngữ âm và quy luật chuyển đổi âm vị, đặt trong bối cảnh phân kỳ lịch sử của tiếp xúc Hán-Việt.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này được tiến hành theo phương pháp tiếp cận ngữ âm học lịch sử – so sánh, kết hợp với phân tích đối ứng ngữ âm. Theo cách tiếp cận này, các dạng âm trong tiếng Hán Việt cổ được đặt trong mối quan hệ so sánh có hệ thống với Hán cổ, Hán trung đại và Hán Việt, nhằm nhận diện nguồn gốc, hướng biến đổi và các quy luật chuyển đổi âm vị trong quá trình tiếp xúc Hán–Việt sớm.

Dữ liệu chính của nghiên cứu bao gồm danh sách các từ Hán Việt cổ có phụ âm đầu lưỡi (TH [th], TR [t], Đ [d], T [t], N [n]) thu thập từ các nguồn sau:

- (a) Trước hết, các từ Hán Việt Cổ được lựa chọn từ các công trình của Nguyễn Tài Căn (2000), Xian (2010, 2016) và các từ điển Hán – Việt, Hán – Nôm; các từ được chọn ra được trình bày và đối chiếu trong các Bảng 1-8 trong Mục 4.1.
- (b) Từ danh sách các từ Hán Việt cổ nêu trên, các âm Hán Cổ tương ứng được xác định dựa trên hệ thống phục nguyên của Zhengzhang (2013).
- (c) Tiếp theo, các từ Hán Việt Cổ này được đối chiếu với âm Hán Trung đại, dựa trên hệ thống Thiết Vận và bảng thanh mẫu – vận bộ của Li (2020).
- (d) Cuối cùng, các từ Hán Việt cổ được tiếp tục đối chiếu với tư liệu Việt cổ, thông qua Từ điển Việt–Bồ–La (1651)

Các mục từ được đưa vào phân tích khi đồng thời đáp ứng ba điều kiện: (1) được xác định là Hán Việt cổ; (2) có phụ âm đầu thuộc nhóm âm đầu lưỡi; (3) có đối ứng rõ ràng trong Hán cổ/Hán Trung đại. Các từ Hán Việt hiện đại và Hán Việt cổ trong các từ điển từ Hán Việt và Hán Nôm hiện hành được dùng để đối chiếu, nhằm làm rõ sự khác biệt giữa các tầng ngôn ngữ.

3.2 Phân tích dữ liệu

3.2.1 Phân loại và thống kê

Các mục từ được phân loại theo hai tiêu chí:

- a) Phụ âm đầu tiếng Việt (TH, TR, Đ, T, N);
- b) Nhóm thanh mẫu Hán cổ tương ứng (端, 精, 庄, 章, 泥, 定...);

Sau phân loại, các mục từ được thống kê về tần suất, các sự tương ứng có tính ổn định, và các trường hợp sai biệt.

3.2.2 Tái hiện ngữ âm lịch sử

Quy trình tái hiện ngữ âm lịch sử trong nghiên cứu này được thực hiện theo hướng đối chiếu trực tiếp các dạng âm Hán Việt cổ với dạng âm Hán cổ và Hán Trung đại trong từng bảng tư liệu. Cụ thể, quá trình phân tích gồm bốn bước:

- (1) Xác định phụ âm đầu của từng từ Hán Việt cổ và thanh mẫu tương ứng trong Hán cổ/Hán Trung đại dựa trên phục nguyên của Zhengzhang và hệ thống Thiết Vận dựa trên phục nguyên của Li (2020). Bước này nhằm xác định nguồn gốc âm đầu và phạm vi các nhóm thanh mẫu có khả năng cho ra phụ âm đầu lưỡi trong tiếng Việt.

(2) So sánh sự phù hợp giữa phụ âm đầu Hán Việt cổ và dạng âm Hán cổ/Hán Trung đại theo từng bảng (Bảng 4, Bảng 5, Bảng 8), để nhận diện hướng biến đổi điền hình (ví dụ: Thanh mẫu Tinh (精) → TR/ T; Thanh mẫu Sinh (生) → TH).

(3) Đánh giá đặc điểm của vần và thanh điệu nhằm xác định khả năng vay mượn sớm hay muộn. Các yếu tố như dạng vần cổ (-u:m, -u:n, -a:ʔ...) hoặc quan hệ bình–sắc được sử dụng để phân biệt các trường hợp Hán Việt cổ với Hán Việt.

(4) Tổng hợp các đối ứng ổn định trong 14 mục từ để rút ra các quy luật biến đổi âm đầu lưỡi. Những quy luật này được kiểm tra lại trên từng bảng tư liệu để đảm bảo tính nhất quán, chẳng hạn:

- Thanh mẫu Định (定母) → Đ;
- Thanh mẫu Ni (泥母) → N;
- Thanh mẫu Tinh (精母) → TR/T;
- Thanh mẫu Sinh (生母) → TH.

3.2.3 Ví dụ minh họa

a) THƯA: 疏 (Bảng 4 – Thanh mẫu Sinh (生母) → TH)

Hán cổ: sɿra / sɿras (Thanh mẫu Sinh (生母))

Hán Trung đại: so / sơ

Hán Việt cổ: thừa

→ Phụ âm đầu xát-quật của Thanh mẫu Sinh (生母) được phản ánh bằng TH trong Hán Việt cổ. Sự xuất hiện của TH trong trường hợp này phù hợp xu hướng chung của các mục cùng nhóm trong Bảng 4.

b) TRÒ : 徒 (Thanh mẫu Định 定母 → tr- qua phụ âm phức tl-)

Hán cổ: l'a (Thanh mẫu Định 定母)

Việt cổ (Việt–Bồ–La): tlò

Hán Việt/HV cổ: trò

→ Ví dụ này thể hiện rõ cơ chế biến đổi nội bộ của tiếng Việt: dạng tl- được ghi nhận trong Việt cổ chuyển thành tr- trong tiếng Việt hiện đại. Vì vậy, đây là ngoại lệ vay mượn sớm, không phản ánh tương ứng hệ thống của Thanh mẫu Định 定母, nhưng rất quan trọng để nhận diện thành phần phụ âm phức trong quá trình Việt hoá.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1 Quan hệ đối ứng ngữ âm giữa các phụ âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ và các nhóm thanh mẫu tương ứng của tiếng Hán cổ và Hán trung đại

Để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu thứ nhất, chúng tôi đối chiếu các âm Hán Việt cổ và Hán Việt, tập trung vào các phụ âm đầu lưỡi TH, TR, Đ, T và N. Dưới đây trình bày những nhóm trường hợp tiêu biểu cùng mối liên hệ với các thanh mẫu Hán cổ.

4.1.1 Các âm Hán Việt Cổ có phụ âm TH[tʰ]

Các âm có phụ âm đầu TH [tʰ] trong âm Hán Việt cổ chủ yếu bắt nguồn từ thanh mẫu Thấu (透) trong tiếng Hán cổ. Trong phục nguyên Hán Việt theo ngữ âm học lịch sử, chỉ thanh mẫu 透 (thấu mẫu) mới sinh ra âm TH. Tuy nhiên, trong thực tế, một số âm Hán Việt cổ có phụ âm đầu TH hiện nay lại bắt nguồn từ các thanh mẫu không có âm [tʰ] trong âm Hán cổ, như Tinh tổ (精组), Trang tổ (庄组), Chương tổ (章组). Hiện tượng này được giải thích như là biến âm, quá trình đồng hóa muộn, hoặc ảnh hưởng của các quy tắc ngữ âm hậu Hán trung cổ trong quá trình hình thành âm Hán Việt cổ.

Trong số này, các thanh mẫu như Tâm (心), Tà (邪), Sinh (生), Thiện (禪), Thư (書) về cơ bản là âm sát, trong khi Xương (昌) là âm bán sát và Chương (章) là âm tắc-sát vòm, có thể ảnh hưởng đến các biến thể đồng hóa về sau.

Bảng 1

Số lượng từ Hán Việt cổ có phụ âm đầu TH [tʰ] theo nhóm thanh mẫu Hán cổ

Nhóm phụ âm tiếng Hán Cổ	Đoan tổ 端组	Tinh tổ 精组	Trang tổ 庄组			Chương tổ 章组		
	Thấu 透	Tâm 心	Tà 邪	Sinh 生	Thiện 禪	Xương 昌	Thư 书	Chương 章
Số lượng	6	3	1	2	3	3	3	1

Từ Bảng 1 chúng ta có thể thấy đa số phụ âm TH bắt nguồn từ các âm đầu lưỡi của nhóm Trang tổ (庄组) và nhóm Chương tổ (章组) và nhóm Tinh tổ (精组). Theo Nguyễn Tài Cẩn (2000) phụ âm TH tiếng Việt được hình thành khi tiếng Việt tiếp xúc với tiếng Hán (khoảng thế kỷ 8 sau công Nguyên) và chịu ảnh hưởng của tiếng Hán. Tiền thân của phụ âm này là âm sát [ɕ]. Trần Trí Dồi (2011) cho rằng sự tiếp xúc này có thể diễn ra sớm hơn, khoảng thế kỷ 6-7 sau Công nguyên. Theo đó, chúng ta có thể thấy rằng phụ âm đầu TH [tʰ] có thể đã được mượn từ thời Trung đại, ảnh hưởng của thanh mẫu Thấu [tʰ] trong tiếng Hán, hoặc có thể đã được mượn dưới dạng âm [ɕ] trước, rồi mới chuyển hoá thành TH [tʰ] trong tiếng Việt.

Từ Bảng 2, ta có thể thấy chữ Hán Việt tương ứng với thanh mẫu Thấu thời trung đại cũng được phát âm gần với TH [tʰ]. Do đó, chỉ xét phụ âm đầu thì không thể xác định chính xác thời điểm các từ này được vay mượn. Tuy nhiên, khi xét thêm sự tương ứng của âm cuối và thanh điệu, có thể thấy các âm Hán Việt cổ phát âm là TH [tʰ] nhiều khả năng được vay mượn sớm hơn âm Hán Việt tiêu chuẩn, nhưng mức độ chênh lệch về thời gian không quá lớn.

Bảng 2

Từ Hán Việt cổ tương đương với các âm Hán cổ trong Doan Tổ

Âm Hán Việt cổ	Âm Hán Việt	Hán tự	Phiên âm	Phiên âm Hán cổ	Thanh mẫu
thăm	thám	探	tàn	l ^h u:m/l ^h u:ms	透 (Thấu)
than	thán	叹	tàn	ŋ ^h a:n/ŋ ^h a:ns	透 (Thấu)
thay	thế	替	tì	t ^h i:ds	透 (Thấu)
thêm	thiên	添	tiān	timl	透 (Thấu)
thếp	thiếp	贴	tiē	t ^h e:b	透 (Thấu)
thấy	thê; đệ	睇	dì	t ^h i:l/di:ls	透 (Thấu)
thông	tùng	松	sōng	scloŋ	邪(Tà)
thêu	tú	绣	xiù	surwgs	心(Tâm)
thiếc	tích	锡	xī	sle:g	心(Tâm)
thóc	túc	粟	sù	sog	心(Tâm)
Thẹn	tàm	慚	cán	za:m	心(Tâm)
Thoi	Toa, thoa	梭	suo	slo:l	心(Tâm)

Từ Bảng 2, ta có thể thấy ngoài thanh mẫu Thấu (透), thì các âm Hán Việt cổ còn tương ứng với thanh mẫu Tâm (心) và thanh mẫu Tà (邪). Nguyễn Tài Cẩn (1998) cho rằng không có âm tắc bật hơi [t^h] trong ngôn ngữ sơ khai của tiếng Việt Mường, âm vị này dần dần được hình thành trong quá trình tiếp xúc lâu dài với tiếng Hán. Nguồn gốc ban đầu của TH là âm ma sát [ɕ]. Đồng thời, thanh mẫu Tâm (心) và thanh mẫu Tà (邪) cũng có nguồn gốc từ âm sát, và âm sát [ɕ] có thể đã được trộn lẫn vào tiếng Việt lúc chúng được mượn lúc bấy giờ (Nguyễn Tài Cẩn, 1997). Xian (2016) chỉ ra rằng trong thời gian đầu tiếp xúc, hệ thống ngữ âm tiếng Việt chưa phân biệt được âm sát đầu lưỡi và âm sát bề mặt lưỡi nên một số ít chữ thanh mẫu Tâm (心) [s/sl], Tà (邪) [sgl] bị lẫn vào nhau, giống như thanh mẫu Thư (书) [hl], thanh mẫu Thiên (禪) [dj], chúng cũng được đọc thành âm sát [ɕ] khi bị mượn, sau này phát triển cùng với sự tiến hóa của tiếng Việt và trở thành phụ âm đầu tiếng Việt TH[t^h] ngày nay.

Như đã đề cập, một trong những nguồn gốc của TH trong tiếng Việt là sự tiến hóa của âm sát [ɕ]. Các âm có thanh mẫu thuộc nhóm Chương tổ (章组) vào thời cổ đại đọc là [d] hoặc [hl] (Zhengzhang, 2013). Do hệ thống phụ âm tiếng Việt thời đó còn tương đối đơn giản, những âm này khi mượn vào tiếng Việt thường được đọc thành âm gần với nó là âm ma sát [ɕ] vào thời Trung Đại, và về sau mới chuyển thành TH[t^h].

Bảng 3

Một số từ Hán Việt cổ tương đương với các từ Hán trong Chương Tổ

Âm Hán Việt cổ	Âm Hán Việt	Hán tự	Phiên âm	Phiên âm Hán cổ	Thanh mẫu
thìa	thi	匙	chí	dje	禪(Thiện)
thìn	thìn	辰	chén	djun	禪(Thiện)
thuộc	thục	熟	shú	djuwg	禪(Thiện)
thua	thâu/thú	输	shū	hljo/ hljos	書(Thư)
thư	thư	书	shū	hlja	書(Thư)
thốt	thuyết	说	shuō	hljods/hljod/ lod	書(Thư)

Đối với các thanh mẫu thuộc nhóm Trang (庄组), chúng tôi cũng nhận ra khá ít từ Hán Việt Cổ có thể có nguồn gốc từ nhóm này. Đa số các từ Hán Việt Cổ được ghi nhận thuộc thanh mẫu Sinh (生). Trong Hán Việt Cổ, các từ này được phát âm là phụ âm TH, trong khi các âm Hán Việt lại được phát âm là S. So với cách phát âm Hán Việt cùng nghĩa, nguyên âm của các chữ Hán Việt Cổ này thể hiện đặc điểm của thời gian vay mượn sớm hơn. Vì vậy, chúng tôi cho rằng các chữ Hán Việt Cổ thuộc nhóm thanh mẫu Trang tổ (庄组) đọc thành phụ âm TH có khả năng là vay mượn sớm, nhưng không quá xa thời điểm hình thành Hán Việt; vì cách phát âm Hán Việt cổ và Hán Việt khác nhau về phụ âm và nguyên âm, nhưng thanh điệu giống nhau cho thấy thời gian mượn ước tính là tương đối gần. Các chữ Hán Việt cổ có phụ âm đầu TH, được phục nguyên từ thanh mẫu Trang tổ (庄组), có khả năng được vay mượn vào khoảng thế kỷ 6–8, tức là trong giai đoạn giao thời giữa Hán cổ và Hán Việt tiêu chuẩn.

Dấu hiệu ngữ âm như nguyên âm cổ hơn nhưng thanh điệu tương đồng với Hán Việt cho thấy đây là lớp từ vay mượn trung gian, phản ánh ảnh hưởng của ngữ âm tiếng Hán giai đoạn đầu Trung cổ, nhưng chưa hoàn toàn chịu quy luật âm Hán Việt. Về lý do tại sao phụ âm này được đọc là TH, Nguyễn Tài Cẩn (2000) cho rằng trước khi các thanh mẫu trên được đọc thành TH trong cách phát âm Hán Việt ngày nay thì nó được đọc thành ɛ, sau đó trở thành TH trong tiếng Việt. Trong thời gian đầu tiếp xúc, hệ thống ngữ âm tiếng Việt có thể không đủ phong phú để tương ứng chính xác với hệ thống phụ âm tiếng Hán nên xảy ra hiện tượng quá độ âm vị khi mượn là điều dễ hiểu. Vì vậy, bài viết này cho rằng hiện tượng hỗn hợp như vậy rất có thể là kết quả của vay mượn sớm.

Bảng 4

Từ Hán Việt cổ tương đương với các từ Hán trong Trang Tổ

Âm Hán Việt cổ	Âm Hán Việt	Hán tự	Phiên âm	Phiên âm Hán cổ	Thanh mẫu
thưa	sơ	疏	shū	sɿra/ sɿras	Sinh 生
thừa	sở	所	suǒ	sɿ ^h raʔ	Sinh 生

4.1.2 Các âm Hán Việt Cổ có phụ âm TR[t]

Hiện có rất ít từ Hán Việt cổ có phụ âm đầu là TR[t], chủ yếu bắt nguồn từ các chữ Hán trong thanh mẫu Định (定), và có một ví dụ khác trong thanh mẫu Tinh (精). Các ví dụ được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5

Từ Hán Việt cổ tương đương với thanh mẫu Định và thanh mẫu Tinh

Chữ Hán Việt Cổ	Chữ Hán Việt	Chữ Hán	Phiên âm Hán	Phiên âm Thượng Cổ	Thanh Mẫu
trái	tả	左	zuǒ	?sa:lʔ/?sa:ls	精(Tinh)
trò	đò	徒	tú	l'a	定(Định)
trôn	đôn	臀	tún	du:n	定(Định)
trón	độn/thuân/tuần	遁	dùn	l'u:nʔ/l'u:ns	定(Định)
tròng	đồng	瞳	tóng	do:ŋ	定(Định)

Đầu tiên, chúng ta hãy xem sự phát triển của các chữ thuộc thanh mẫu Định (定) trong tiếng Trung. Xian (2016) nhận định rằng sự tương ứng giữa các âm Hán Cổ có thanh mẫu thuộc

nhóm Đoan Tổ (端组) khi được đọc thành TR trong tiếng Việt, cùng với sự tương ứng giữa thanh điệu và vần có thể được giải thích, và ngữ nghĩa về cơ bản là nhất quán. Xian coi sự tương ứng của nhóm phụ âm đầu này là kiểu tương ứng tương đối, và nhiều khả năng ngày mượn là từ thời cổ đại. Chúng tôi cũng cho rằng niên đại mượn những ví dụ này là thời xa xưa trước khi mượn âm Hán Việt. Các từ có phụ âm đầu TR trong tiếng Việt cổ, tương ứng với thanh mẫu thuộc Đoan tổ (端组) hoặc Định (定) trong tiếng Hán cổ, nhiều khả năng thuộc về lớp từ vay mượn sớm, xảy ra trước khi lớp Hán Việt tiêu chuẩn hình thành (thế kỷ 7–10). Dựa vào sự khác biệt về phụ âm và vần, cùng với sự tương ứng ổn định về thanh điệu và nghĩa, chúng tôi cho rằng thời điểm vay mượn có thể được ước đoán là vào khoảng thế kỷ II đến thế kỷ V, trong giai đoạn Hán thuộc đến đầu thời kỳ Nam Bắc triều.

Trong tiếng Việt, nguồn gốc của phụ âm đầu TR phức tạp, chủ yếu xuất phát từ phụ âm phức, kết hợp với l(bl-, tl-). Trong Từ điển Latin Việt-Bồ Đào Nha của Alexand de Rhodes (1651) vẫn còn nhiều phụ âm phức và trong hầu hết các trường hợp chúng đã phát triển thành TR tiếng Việt hiện nay. Ví dụ: tlầu>trầu (trâu); blời>trời (bầu trời); blái> trái (trái cây). Từ đó chúng ta có thể thấy rằng nguồn TR chính là tl và bl. Trong từ điển này, chúng ta cũng thấy hai ví dụ trên vẫn đọc được phụ âm phức: trò viết là tlò, tròn viết là tlôn. Đồng thời, trong mô phỏng âm Hán Thượng cổ (tham khảo phiên âm Hán Thượng Cổ mô phỏng của Trịnh Trương Thượng Phương) những chữ này đều đọc là l hoặc d. Phía trên chúng tôi cũng đã đề cập rằng có khá nhiều chữ Hán thuộc thanh mẫu Định (定母) tương ứng với các chữ phụ âm đầu Đ[d] trong tiếng Hán Việt và Hán Việt cổ. Người ta suy đoán rằng chúng được vay mượn từ khá sớm. Tuy nhiên, trước khi trở thành Đ[d], một số chữ phát âm p và t trong tiếng Việt cũng được phát triển thành Đ[d], do đó có thể khi được mượn sang tiếng Việt một số âm Hán gần với t, nguyên nhân có thể là do phát âm sai một số từ thành phụ âm phức tl và sau đó cùng với sự phát triển của tiếng Việt biến thành TR. Nhưng những ví dụ như vậy không có nhiều và số lượng từ vựng tồn tại không nhiều. Vì vậy, nó không phải là một sự tương ứng có hệ thống.

Một ví dụ khác là chữ 左(tả) trong tiếng Hán nghĩa là “trái”, trong phiên âm Thượng Cổ của Zhengzhang (2013) là [ʔsa:lʔ]. Trong "Từ điển Latin Việt-Bồ Đào Nha", nguyên gốc của trái cũng là phụ âm phức tlái, chữ T trong tiếng Việt thời kỳ đầu được chuyển đổi từ S. Rất có thể nguồn gốc của tlái cũng là slái. Khi từ này trong tiếng Trung được đọc là [ʔsa:l], mượn vào tiếng Việt và phát âm sai thành phụ âm phức slái, rồi phát triển thành trái ngày nay. Việc kết hợp việc xem xét vần và thanh điệu cho thấy sự tiếp xúc tương đối sớm, nên chúng ta có thể coi trái là một từ Hán Việt cổ, nhưng nó cũng là một ngoại lệ đặc biệt.

Ngoài ra, Wei (2004) cũng tin rằng một số chữ Hán thanh mẫu thuộc nhóm Đoan tổ (端组) có nguồn gốc từ các phụ âm phức cổ, chẳng hạn như tráng “盪”. Phiên âm Thượng Cổ là glaŋ, có nghĩa là tráng bằng nước. Hình thức tương ứng cũng có thể được tìm thấy trong một số phương ngữ phía Nam Trung Quốc và tiếng dân tộc Tráng Đông. Tròn là từ Hán Việt cổ tương ứng với chữ 团 "đoàn", phiên âm Thượng Cổ là g.ron, có nghĩa là hình tròn. Có thể từ Tròn trong tiếng Việt xuất phát từ từ 团 "đoàn" trong tiếng Hán cổ, sau khi mượn vào tiếng Việt thì biến thành Tròn, rồi thành Tròn.

4.1.3 Các âm Hán Việt Cổ có phụ âm Đ[d]

Nguồn gốc của chữ Hán Việt cổ với phụ âm đầu là Đ[d] cũng rất phức tạp nhưng hầu hết các chữ đều đến từ nhóm Đoan, chủ yếu là thanh mẫu Định (定) và thanh mẫu Đoan (端). Tình trạng tương ứng này cũng giống như âm Hán Việt. Khi so sánh các chữ Hán Việt Cổ với chữ Hán Việt tương ứng, chỉ có vần và thanh điệu hơi khác nhau một chút nên chúng ta chỉ có thể xác định thời gian vay mượn của những từ tương ứng này kết hợp với so sánh vần và thanh điệu.

Xét về vần điệu và thanh điệu, những từ Hán Việt Cổ này được xác định là mượn trong thời gian sớm hơn so với từ Hán Việt. Thanh mẫu Định (定) và thanh mẫu Đoan (端) vốn là hai phụ âm đối lập, vô thanh và hữu thanh nên khi mượn vào tiếng Việt thời kỳ đầu, chúng tương ứng với hai phụ âm [d] và [t] đối lập vô thanh và hữu thanh trong tiếng Việt. Về sau, trong sự phát triển của ngữ âm tiếng Việt, cặp đối lập này hợp nhất, trước hết thành t, rồi phát triển thành Đ[d] trong tiếng Việt hiện đại. Vì vậy, chỉ dựa vào các phụ âm đầu trong lớp từ Hán Việt Cổ không thể xác định chính xác thời điểm vay mượn vì đối lập vô thanh - hữu thanh đã mất. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể phán đoán được về sự đối lập giữa trong và đục từ thanh điệu của các từ.

Bảng 6

Từ Hán Việt cổ phụ âm Đ tương đương với thanh mẫu trong tiếng Hán cổ

Thanh Mẫu	Chữ Hán Việt Cổ	Chữ Hán Việt	Chữ Hán	Phiên âm Hán	Phiên âm Thượng Cổ
定 (Định)	đằm	đàm	潭	tán	l'u:m
	đền/chiền	điện	殿	diàn	tu:ns
	điều	đào	桃	táo	l'a:w
	đò	độ	渡	dù	da:gs
	đọc	độc	读	dú	l'o:g
	đội	đãi	待	dài	du:r?
端(Đoan)	đánh	đả	打	dǎ	rteŋ?
	đáy	để	底	dǐ	ti:l?
	đếm	điểm	点	diǎn	te:m?
	đệm/chêm	điểm	垫	diàn	ti:ms
	đội	đái/đới	帶	dài	ta:ds
	được	đắc	得	dé	tu:g

4.1.4 Phụ âm đầu T[t]

Trong Hán Việt cổ, những chữ có phụ âm đầu T nhìn chung tương ứng với các chữ Hán Việt có phụ âm đầu T, tức không có biến đổi lớn. Vì vậy, việc xác định thời điểm vay mượn chủ yếu dựa vào đối chiếu vần và thanh điệu. Xian (2016) chỉ ra rằng nhóm Tinh (精组) trong hệ thống ngữ âm Trung Quốc thời trung cổ, tương đương với âm sát đầu lưỡi và âm sát trong ngữ âm hiện đại. Kết quả nghiên cứu về lịch sử tiếng Việt cho thấy, thời kỳ tiếp xúc sớm với tiếng Hán, tiếng Việt không có âm tắc sát đầu lưỡi. Lúc bấy giờ, âm tắc đầu lưỡi t đã được nhóm Đoan (端组) chiếm dụng trong hệ thống ngữ âm, nên khi các âm tắc sát Trung Quốc tiếp xúc với tiếng Việt, đầu tiên chúng sẽ được ghép với các âm sát tương tự.

Cụ thể, đối với nhóm Tinh (精组), thanh mẫu Tinh (精) và thanh mẫu Tòng (从) là âm tắc

xát, thanh mẫu Tâm (心) và thanh mẫu Tà (邪) là âm sát nên hợp nhất với nhau khi được mượn vào tiếng Việt. Về sau, Tinh mẫu và Tòng mẫu được đọc là [s], và thanh mẫu tâm và thanh mẫu tà được đọc thành âm [z]. Sau này [s] và [z] gốc sáp nhập thành S tất cả các âm trong nhóm này đều đọc là S. Tới thời cận đại, cùng với sự phát triển của hệ thống ngữ âm tiếng Việt, S phát triển thành T, dần dần hình thành sự tương ứng mà chúng ta thấy ngày nay trong đó (Nguyễn Tài Cẩn, 1997).

Bảng 7

Từ Hán Việt cổ phụ âm T tương đương với thanh mẫu trong tiếng Hán cổ

Âm Hán Việt cổ	Âm Hán Việt	Hán tự	Phiên âm	Phiên âm Hán cổ	Thanh mẫu
tàu	tào	艘	cáo	zlu:	從(Tòng)
tàng	tăng	层	céng	zu:ŋ	從(Tòng)
tày	tê	齐	qí	zli:ls	從(Tòng)
từng	tăng	曾	céng	?su:ŋ/zu:ŋ	精(Tinh)
tía	tử	紫	zǐ	?se?	精(Tinh)
tuồng	túng/tổng/tung	纵	zòng	?sloŋ/?sloŋs	精(Tinh)
tét	tiết	节	jié	?si:g	精(Tinh)
tý	tý	子	zǐ	?slu?	精(Tinh)
tiếng	thanh	声	shēng	q ^h jeŋ	書(Thư)
tằm	tằm	蚕	cán	zlu:m、hl'i:n?	心(Tâm)
tiệc	tịch	席	xí	lja:g	邪(Tà)
tìm	tầm	寻	xún	ljum	邪(Tà)
tựạ	tự	序	xù	lja?	邪(Tà)
tanh	tinh	腥	xīng	se:ŋ	心(Tâm)
tây	tư	私	sī	sil	心(Tâm)
tơ	ti	丝	sī	slu	心(Tâm)
tỏi	toán	蒜	suàn	slo:ns	心(Tâm)
tuổi	tuế	岁	suì	sq ^{hw} ads/sq ^{hw} ad	心(Tâm)
tiếc	tích	惜	xī	sja:g	心(Tâm)
tươi	tiên/tiền	鲜	xiān	sen/sen?/sens	心(Tâm)
tím	tâm	心	xīn	slum	心(Tâm)
tua	tu	须	xū	so	心(Tâm)

Có hai trường hợp ngoại lệ là "tiếng" (có nghĩa là âm thanh) và tằm (có nghĩa là con tằm). Trước hết, "tiếng" tương ứng với "声" và thuộc thanh mẫu thư (书), tuy nhiên, nhìn vào phần vần, hầu hết các từ mượn cổ thuộc vần Canh (耕) nhiếp Cánh(梗掇) đều là iêng, từ phần vần ta có thể thấy chữ "tiếng" là từ Hán Việt Cổ được mượn từ lâu. "声" là âm bình, tương ứng với dấu sắc trong âm Hán Việt cổ cho thấy thời gian vay mượn rất cổ. Còn việc phụ âm đầu được đọc là T thì có thể do đọc nhầm.

Chữ 蚕 (tằm) đôi khi được liệt vào thanh mẫu Thâu (透母) trong một số hệ thống âm Hán cổ truyền thống (Zhengzhang, 2013). Nếu theo cách phân tích này, phụ âm đầu được phục nguyên là âm tắc bật hơi [t^h], và cách đọc "tằm" trong tiếng Việt có thể được xem là kết quả của quá trình giản hóa từ [t^h] sang [t], phản ánh đặc điểm ngữ âm dân gian, nơi sự phân biệt giữa phụ âm bật hơi và không bật hơi chưa được ổn định.

Tuy nhiên, theo các công trình phục nguyên hiện đại như của Baxter và Sagart (2014), chữ 蚕 lại thuộc thanh mẫu Tòng (從母), là một phụ âm tắc–xát hữu thanh [dz], được phục nguyên là dzom. Nếu dựa trên phân loại này, từ “tằm” trong tiếng Việt là kết quả của quá trình chuyển từ âm tắc–xát sang âm tắc, điều này cũng phù hợp với hiện tượng quá độ âm vị trong giai đoạn đầu tiếp xúc với tiếng Hán, khi hệ thống âm vị tiếng Việt còn chưa hoàn chỉnh.

Do đó, dù có sự khác biệt trong phân loại thanh mẫu Thấu (透母) theo truyền thống hay thanh mẫu Tòng(從母) theo phục nguyên hiện đại thì cách đọc “tằm” trong tiếng Việt vẫn cho thấy một điều rõ ràng: trong quá trình tiếp nhận từ Hán, tiếng Việt cổ có xu hướng thay thế các âm nước ngoài phức tạp bằng các âm gần nhất trong hệ thống bản địa, dẫn đến những hiện tượng như đồng hóa, giản hóa hay chuyển loại phụ âm – đặc biệt phổ biến trong lớp từ vay mượn sớm.

4.1.5 Phụ âm đầu N[n]

Một phần nhỏ của tiếng Hán Việt cổ có phụ âm mũi N[n], chẳng hạn như danh sách dưới đây. Hầu hết đều là thuộc thanh mẫu Ni (泥), và chỉ có một từ thuộc thanh mẫu Định (定).

Bảng 8

Từ Hán Việt cổ phụ âm N tương đương với thanh mẫu trong tiếng Hán cổ

Âm Hán Việt cổ	Âm Hán Việt	Hán tự	Phiên âm	Phiên âm Hán cổ	Thanh mẫu
nọc	độc	毒	đú	l'u:g	定(Định)
ná	nỗ	弩	nữ	na:ʔ	泥(Ni)
nỏ	nỗ	弩	nữ	na:ʔ	泥(Ni)
nôm	nam	南	nán	nu:m	泥(Ni)
nông	nam	南	nán	nu:m	泥(Ni)
nộp	nạp	纳	nà	nu:b	泥(Ni)
nồng	nồng	浓	nóng	noŋ	泥(Ni)

Về sự tương ứng của các từ Hán Việt Cổ thuộc thanh mẫu Ni (泥), về cơ bản không có nhiều thay đổi qua thời gian, dù được vay mượn trong giai đoạn cổ hay trung cổ, chúng vẫn tương ứng với N[n] ở tiếng Việt. Việc xác định từ nào thuộc Hán Việt hay Hán Việt cổ phải dựa vào sự so sánh về vần và thanh điệu. Tuy nhiên, khi nhìn vào Bảng 8, có hai từ Hán Việt cổ là “ná” và “nỏ”, cả hai đều tương ứng với chữ “弩” (nữ) trong tiếng Hán. Phụ âm đầu giống nhau nhưng vần và thanh điệu lại khác biệt. Từ Hán “弩”(nữ) có âm cuối cổ là vần Ngư (鱼韵), từ phiên âm cổ là [na:ʔ], gần giống với từ “ná” trong Hán Việt cổ. Từ Hán Việt cổ khác là “nỏ” là vần Ngư (鱼韵) được mượn vào khi có sự đổi từ nguyên âm a đến u trong tiếng Hán. Chúng ta có thể quan sát thấy rằng ở thời Hán hiện đại, “nỗ” cũng gần u hơn “nỏ”. Điều này cho thấy vần Ngư (鱼韵) thông qua các từ vay mượn khác nhau của từ “nỏ” trong tiếng Việt: “ná”, “nỏ” và “nỗ”. Điều này cho thấy vần Ngư (鱼韵) trong tiếng Hán cũng trải qua quá trình tương tự, với nguyên âm a không ngừng cao lên và trở thành nguyên âm u.

Ngoài thanh mẫu Ni (泥), còn có một ngoại lệ khác là từ “毒” thuộc thanh mẫu Định (定). Âm Hán Việt cổ tương ứng có phụ âm đầu N (nọc), và ngoài ví dụ này còn có từ nũa (脩) được Xian (2008) ghi nhận, nghĩa là “lười biếng” (惰). Tác giả cho rằng một phần phụ âm N trong tiếng Việt có thể bắt nguồn gốc từ ɲ, nghĩa là khi mượn từ tiếng Hán, các dạng “độc” và “lười”

đã bị phát âm sai thành đ, sau này phát triển thành phụ âm đầu mũi N[n trong tiếng Việt hiện đại. Giả thuyết này có thể chấp nhận được vì khi so sánh vần và thanh điệu, cả hai đều cho thấy đặc điểm của lớp từ vay mượn sớm.

4.2 Sự biến đổi lịch sử của các âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ trên cơ sở đối ứng ngữ âm với các thanh mẫu Hán cổ

Từ các kết quả phân tích cụ thể ở Mục 4.1, mục này tiến hành tổng hợp và khái quát hóa nhằm làm rõ quan hệ đối ứng ngữ âm và các quy luật chuyển đổi âm vị của các âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ, qua đó trả lời câu hỏi nghiên cứu thứ hai. Các kết quả chính của nghiên cứu được trình bày dưới đây.

Sự tương ứng âm đầu lưỡi giữa tiếng Hán Việt cổ và Hán cổ: Các âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ như TH [th], TR [t], Đ [d], T [t], và N [n] tương ứng rõ rệt với các nhóm thanh mẫu Doan tổ (端组), Tinh tổ (精组), Trang tổ (庄组), Chương tổ (章组), và Ni (泥). Ví dụ, TH [th] chủ yếu bắt nguồn từ thanh mẫu Thấu (透), nhưng cũng chịu ảnh hưởng từ các âm sát như Tâm (心), Tà (邪), và Chương (章), phản ánh quá trình chuyển đổi từ âm sát [ɕ] sang âm tắc bật hơi [th] trong tiếng Việt.

Thời gian vay mượn và sự phân kỳ: Dựa trên vần, thanh điệu và phụ âm đầu, có thể xác định rằng các từ Hán Việt cổ có âm đầu lưỡi được vay mượn sớm hơn so với hệ thống Hán Việt hiện đại, thường trước thời Đường (thế kỷ 8-9). Các từ như "thăm" (探), "trái" (左), hay "đầm" (潭) mang đặc điểm của hệ thống Hán cổ, khác biệt với cách phát âm Hán Việt tiêu chuẩn vốn chịu ảnh hưởng từ âm Đường. Điều này củng cố nhận định của Nguyễn Tài Cẩn (2000) về sự phân kỳ giữa Hán Việt cổ và Hán Việt.

Quá trình tiến hóa âm thanh: Các âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ không chỉ là sản phẩm của sự vay mượn mà còn trải qua quá trình biến đổi nội tại trong tiếng Việt. Ví dụ, phụ âm TR [t] có nguồn gốc từ các phụ âm phức như *tl-* hoặc *bl-* (như "trò" < *tlò*), trong khi Đ [d] phát triển từ sự hợp nhất của các âm vô thanh [t] và hữu thanh [d].

Các ngoại lệ và tính phức tạp: Một số trường hợp ngoại lệ như "tiếng" (声) thuộc thanh mẫu Thư (书) nhưng lại có phụ âm đầu T [t], hay "nọc" (毒) thuộc thanh mẫu Định (定) nhưng phát triển thành N [n]. Những ngoại lệ này cho thấy sự phức tạp trong quá trình tiếp xúc ngôn ngữ, nơi phát âm sai hoặc đơn giản hóa âm vị tiếng Việt thời kỳ đầu đã có thể ảnh hưởng đến dạng mượn từ.

Ý nghĩa văn hóa-ngôn ngữ: Các âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt phản ánh quá trình giao thoa và thích nghi văn hóa của người Việt. Những từ như "thóc" (粟), "trái" (左), hay "tằm" (蚕) đã hòa nhập sâu vào khẩu ngữ tiếng Việt, trở thành một phần không thể tách rời của từ vựng bản địa.

Kết quả này cho thấy rằng việc nghiên cứu âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ không chỉ có ý nghĩa về mặt ngữ âm học mà còn làm sáng tỏ lịch sử tiếp xúc ngôn ngữ và văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc.

5. Thảo luận và đề xuất

5.1 Thảo luận

Nghiên cứu về âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ đã làm sáng tỏ một số khía cạnh quan trọng trong lịch sử ngôn ngữ Việt Nam, đồng thời đặt ra những câu hỏi cần tiếp tục khám phá. Thứ nhất, sự tương ứng giữa các âm đầu lưỡi của tiếng Hán Việt cổ và tiếng Hán cổ cho thấy tiếng Việt đã trải qua một quá trình tiếp nhận có chọn lọc và thích nghi. Chẳng hạn, sự chuyển đổi từ âm xát [ɣ] sang âm tắc bật hơi TH [tʰ] hay từ phụ âm phức *tl-* sang TR [t] phản ánh khả năng thích nghi của hệ thống ngữ âm tiếng Việt trước áp lực từ một ngôn ngữ có cấu trúc âm tiết phức tạp hơn như tiếng Hán.

Thứ hai, sự khác biệt giữa Hán Việt cổ và Hán Việt hiện đại nhấn mạnh vai trò của thời gian và bối cảnh lịch sử trong quá trình vay mượn. Các từ Hán Việt cổ, thường được mượn qua giao tiếp khẩu ngữ trong thời kỳ Bắc thuộc, mang tính tự nhiên và ít hệ thống hơn so với Hán Việt thời Đường, khi việc vay mượn chủ yếu diễn ra qua chữ viết và giáo dục. Điều này phù hợp với quan điểm của Xian (2010) rằng sự tiếp xúc chặt chẽ nhất giữa tiếng Hán và tiếng Việt xảy ra từ cuối Đông Hán đến cuối Đường.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng đối mặt với một số thách thức. Sự thiếu nhất quán trong cách phân định ranh giới giữa Hán Việt cổ và Hán Việt, cùng với các trường hợp ngoại lệ như "nọc" (毒) hay "tiếng" (声), cho thấy cần có thêm dữ liệu và phương pháp phân tích tinh vi hơn để làm rõ các quy luật biến đổi âm thanh. Ngoài ra, ảnh hưởng của các phương ngữ Trung Quốc khác nhau (như tiếng Quảng Đông hay tiếng Mân Nam) lên tiếng Hán Việt cổ vẫn chưa được xem xét đầy đủ, dù có thể đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích một số đặc điểm âm tiết bất thường.

Bên cạnh việc khẳng định sự tương ứng và biến đổi của các âm đầu lưỡi trong Hán Việt cổ, kết quả nghiên cứu bổ sung dữ liệu đối chiếu chi tiết giữa Hán cổ, Hán trung đại và Hán Việt cổ, giúp làm rõ hơn quy luật vay mượn và thích nghi âm vị. Thứ hai, việc chỉ ra những ngoại lệ và hiện tượng quá độ âm vị góp phần lý giải tại sao một số từ trong tiếng Việt hiện nay có hình thức khác biệt, từ đó cung cấp tư liệu cho việc nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Việt. Thứ ba, nghiên cứu không chỉ dừng ở phạm vi âm vị học mà còn nhấn mạnh ý nghĩa văn hóa – lịch sử của các từ Hán Việt cổ, chứng minh rằng lớp từ này là minh chứng sống động cho sự giao thoa ngôn ngữ và bản sắc văn hóa Việt Nam trong mối quan hệ lâu dài với Trung Quốc. Chính vì vậy, các kết quả nghiên cứu không chỉ đóng góp vào ngôn ngữ học lịch sử – so sánh, mà còn mở rộng sang lĩnh vực nghiên cứu văn hóa và tiếp xúc ngôn ngữ, có giá trị tham khảo cho cả ngôn ngữ học và sử học.

5.2 Đề xuất

Dựa trên những kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số hướng nghiên cứu tiếp theo như sau:

a) Mở rộng phạm vi so sánh:

Cần mở rộng việc đối chiếu âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ với các phương ngữ Hán hiện còn bảo lưu đặc điểm cổ như tiếng Quảng Đông, tiếng Hakka hoặc tiếng Ngô. Việc này sẽ giúp xác định rõ hơn mức độ ảnh hưởng của các biến thể khu vực trong tiếng Hán cổ đến cách đọc Hán Việt cổ, thay vì chỉ dựa trên âm Hán Trung cổ tiêu chuẩn (Thiết Vận).

b) Phân tích sâu hơn các trường hợp ngoại lệ:

Những ví dụ đặc biệt như nọc (毒) hay trái (左) thể hiện sự lệch hướng trong phụ âm đầu cần được nghiên cứu chi tiết hơn. Việc kết hợp dữ liệu từ chữ Nôm, từ điển Việt–Bồ–La (1651) và các phương ngữ Việt–Mường có thể giúp làm rõ nguồn gốc và quy luật biến đổi khác thường của các trường hợp này.

c) Kết hợp yếu tố lịch sử – văn hóa:

Cần gắn việc phân tích ngữ âm với bối cảnh lịch sử và giao lưu văn hóa Việt–Hán, đặc biệt trong giai đoạn Bắc thuộc. Điều này có thể lý giải vì sao một số nhóm phụ âm (như TR hay TH) phản ánh sự thích nghi ngữ âm chịu ảnh hưởng xã hội – địa lý của từng thời kỳ.

Những hướng nghiên cứu này vừa củng cố kết quả hiện tại, vừa mở rộng khả năng khám phá sâu hơn về mối quan hệ ngôn ngữ – văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc, góp phần làm rõ tiến trình hình thành của hệ thống âm Hán Việt cổ và sự phát triển của tiếng Việt.

6. Kết luận

Trên cơ sở phân tích các tư liệu Hán cổ, Hán trung đại và Hán Việt cổ, nghiên cứu này đã làm rõ quan hệ đối ứng ngữ âm và các quy luật vay mượn, biến đổi của nhóm âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ. Kết quả cho thấy các âm đầu lưỡi trong tiếng Hán Việt cổ (TH, TR, Đ, T, N) có những sự tương ứng tương đối ổn định với các nhóm thanh mẫu của Hán cổ và Hán trung đại, đặc biệt là các nhóm Đoan tổ, Tinh tổ, Trang tổ, Chương tổ và Ni. Các sự tương ứng này không mang tính ngẫu nhiên mà được xác lập thông qua sự kết hợp giữa phụ âm đầu, vần và thanh điệu, qua đó cho phép nhận diện rõ ràng nguồn gốc ngữ âm của nhiều mục từ Hán Việt cổ.

Về quy luật chuyển đổi âm vị, nghiên cứu cho thấy các âm đầu lưỡi trong Hán Việt cổ là kết quả của quá trình vay mượn sớm kết hợp với sự thích nghi âm vị nội tại của tiếng Việt. Các quy luật chuyển đổi nổi bật bao gồm: chuyển từ âm sát sang âm tắc bật hơi, chuyển từ phụ âm phức sang phụ âm đơn, cũng như sự biến đổi giữa các âm vô thanh, hữu thanh và âm mũi. Những hiện tượng này phản ánh rõ giai đoạn quá độ âm vị khi hệ thống ngữ âm tiếng Việt còn chưa hoàn chỉnh.

Từ góc độ lịch sử, các đặc điểm đối ứng và chuyển đổi nêu trên cho thấy phần lớn các mục từ được khảo sát thuộc lớp Hán Việt cổ, hình thành trước thời Tùy–Đường, và khác biệt với hệ thống Hán Việt tiêu chuẩn dựa trên âm Đường. Điều này góp phần củng cố ranh giới giữa Hán Việt cổ và Hán Việt, đồng thời khẳng định giá trị của việc khảo sát Hán Việt cổ trong nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Việt. Việc tìm hiểu sâu hơn về các âm đầu lưỡi này không chỉ giúp làm rõ sự phát triển lịch sử của tiếng Việt, mà còn đóng góp quan trọng cho lĩnh vực ngữ âm học lịch sử nói chung. Những phân tích này không dừng lại ở mức mô tả âm thanh, mà còn mở rộng sang việc lý giải các mối liên hệ lịch sử – văn hóa giữa hai dân tộc Việt và Trung.

Bên cạnh giá trị về lịch sử và ngữ âm, các tư liệu và phân tích trong nghiên cứu này còn cung cấp những dẫn chứng cụ thể về sự thay đổi và tiến hóa của âm đầu lưỡi qua các thời kỳ, góp phần làm sáng tỏ tiến trình giao lưu và hội nhập ngôn ngữ Việt – Hán. Những kết quả này không chỉ có ý nghĩa học thuật, mà còn mở ra hướng tiếp cận liên ngành, kết nối giữa ngôn ngữ học, lịch sử và văn hóa học.

Với những đóng góp đó, tác giả kỳ vọng bài viết sẽ trở thành một tài liệu tham khảo có giá trị cho các nghiên cứu tiếp theo về ngữ âm Hán Việt và lịch sử tiếng Việt, đồng thời góp phần nhận diện rõ hơn các dấu tích văn hóa – ngôn ngữ trong tiến trình phát triển lâu dài của dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Baxter, W., & Sagart, L. (2014). *Old Chinese: A new reconstruction*. Oxford University Press.
- De Rhodes, A. (1651). *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum* [Từ điển tiếng An Nam – Bồ Đào Nha – Latin]. Typographia Sacrae Congregationis de Propaganda Fide.
- Li, R. (2020). *Qieyun yinxi* [Hệ thống ngữ âm Thiết vận] Shangwu Yinshuguan. https://umlibrary.primo.exlibrisgroup.com/discovery/fulldisplay/alma991010418479806306/853UOM_INST:umlibrary
- Nguyễn Tài Cẩn (1997). *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*. Nhà xuất bản Giáo Dục. https://vietbooks.info/threads/giao-trinh-lich-su-ngu-am-tieng-viet-nxb-giao-duc-1997-nguyen-tai-can-350-trang.98171/#google_vignette
- Nguyễn Tài Cẩn (1998). Thử phân kỳ 12 thế kỷ của tiếng Việt. *Ngôn ngữ*, (6), 7–12. <https://elib.hcmussh.edu.vn/entities/publication/5c7a4a4a-d91d-4ad5-a593-8f29faee3141>
- Nguyễn Tài Cẩn (2000). *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*. Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội. https://lic.hau.edu.vn/media/Ngu%E1%BB%93n%20g%E1%BB%91c%20v%C3%A0%20qu%E1%A1%20tr%C3%ACnh%20h%C3%ACnh%20th%C3%A0nh%20c%C3%A1ch%20%C4%91%E1%BB%8Dc%20H%C3%A1n%20Vi%E1%BB%87t_compressed-1-10.pdf
- Từ điển Việt Hán Nôm. <https://www.digitizingvietnam.com/vi/tools/han-nom-dictionaries>
- Thiều Chửu (2009). *Hán Việt tự điển*. Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin.
- Trần Trí Dồi (2011). *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Wang, Li. (1948). Hanyueyu yanjiu [Nghiên cứu Hán–Việt ngữ]. *Lingnan Xuebao*, 9(1), 1-96. https://commons.ln.edu.hk/cgi/viewcontent.cgi?article=1199&context=ljcs_1929
- Wei, S. (2004). *Hanyueyu guanxici shengmu xitong yanjiu* [Nghiên cứu hệ thống âm đầu của từ ngữ quan hệ Hán–Việt]. Guangxi Minzu Chubanshe.
- Wei, S. (2012). Guanyu yuenan yu zhong hanyu jieci de fenlei wenti [Về vấn đề phân loại từ mượn Hán trong tiếng Việt]. *Guangxi Minzu Daxue Xuebao* (Zhhexue Shehui Kexue Ban), (3), 147-150. <https://d.wanfangdata.com.cn/periodical/gxmzxyxb-zxsh201203044>
- Xian, M. (2010). *Hanyueyu guanxici cengci fenxi* [Phân tích các tầng lớp từ ngữ quan hệ Hán–Việt] [Luận án Tiến sĩ]. Beijing Renmin Daxue. <https://www.cnki.net/kns/defaultresult/index> 汉越语关系词层次分析
- Xian, M. (2016). *Hanyu yuenanyu guanxi yusu lishi cengci fenxi* [Phân tích các tầng lịch sử của ngữ tố quan hệ Hán–Việt]. Zhongxi Shuju. <https://book.douban.com/subject/26967847/?utm>
- Zhengzhang, S. (2013). *Shanggu yinxi* [Hệ thống âm cổ đại]. Shanghai Jiaoyu Chubanshe. <https://book.douban.com/subject/25805365/?utm>